

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Tháng 3 năm 2026



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 30

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Chính	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Minh Hải	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25/04/2025)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25/04/2025)
Ông Hồ Viết Lân	Thành viên
Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Viết Lân	Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Sang	Phó Giám đốc
Ông Trần Chính	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Tống Thị Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Trần Chính - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Hồ Viết Lân - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Hồ Việt Lân
Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 032601/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026 từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang theo dõi khoản vay Bộ tài chính theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa) để thực hiện dự án Cải thiện môi trường Đô thị miền Trung - ADB ký ngày 05 tháng 05 năm 2004 có số dư gốc vay và lãi vay chưa thanh toán lần lượt là 17.157.687.129 đồng và 9.494.779.704 đồng (Tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 19.540.841.129 đồng và 8.958.090.076 đồng). Khoản vay đã được Bộ tài chính bàn giao về Ngân hàng Phát triển Việt Nam để theo dõi và thu hồi gốc và lãi vay năm 2011. Tại ngày 31/12/2025, số dư gốc và lãi vay của Công ty được Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối chiếu xác nhận lần lượt là 7.149.467.406 đồng và 0 (không) đồng (Tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 9.532.621.406 đồng và 0 (không) đồng). Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị gốc vay và lãi vay chưa được đối chiếu cũng như liệu rằng có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to the auditor.

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.816.890.039	158.597.817.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.428.504.728	24.514.481.811
1. Tiền	111		5.428.504.728	5.778.481.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	18.735.999.930
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	994.075.905
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	994.075.905
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.514.793.127	123.615.422.012
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	76.315.277.830	100.067.852.309
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	613.643.900	1.413.114.720
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	21.703.371.397	22.251.954.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(117.500.000)	(117.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	12.290.540.708	9.178.292.583
1. Hàng tồn kho	141		12.290.540.708	9.178.292.583
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		583.051.476	295.544.713
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	137.130.380	214.896.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.218	80.648.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	445.905.878	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.339.185.267	9.662.220.480
I. Tài sản cố định	220		6.524.467.056	8.953.313.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.524.467.056	8.953.313.921
- Nguyên giá	222		79.489.388.671	79.410.684.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.964.921.615)	(70.457.371.046)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.814.718.211	708.906.559
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.814.718.211	708.906.559
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		160.156.075.306	168.260.037.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.900.912.027	133.142.188.800
I. Nợ ngắn hạn	310		85.352.850.841	89.634.137.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	31.367.675.959	28.108.421.706
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		573.762.618	4.351.456.588
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	3.767.359.061	4.762.563.567
4. Phải trả người lao động	314		7.501.127.013	4.298.973.012
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11a	81.755.647	94.559.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	35.059.347.535	41.351.159.230
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	5.569.820.671	5.583.915.831
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.432.002.337	1.083.087.908
II. Nợ dài hạn	330		39.548.061.186	43.508.051.016
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	9.494.779.704	8.958.090.076
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11b	15.278.748.353	17.205.607.141
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	14.774.533.129	17.344.353.799
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.255.163.279	35.117.848.704
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	36.058.773.304	35.921.458.729
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.977.900.000	32.977.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.977.900.000	32.977.900.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.080.873.304	2.943.558.729
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.080.873.304	2.943.558.729
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(803.610.025)	(803.610.025)
1. Nguồn kinh phí	431		(803.610.025)	(803.610.025)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		160.156.075.306	168.260.037.504

Phạm Hồng Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thế Anh
Kế toán trưởng

Hồ Việt Lâm
Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		298.868.108.933	276.609.458.375
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	66.597.495
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	298.868.108.933	276.542.860.880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	275.244.696.722	253.221.017.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.623.412.211	23.321.842.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.028.624.875	1.171.355.379
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.043.429.907	1.257.875.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.043.429.907	1.257.875.278
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.708.526.243	19.164.578.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.900.080.936	4.070.744.280
11. Thu nhập khác	31	VI.6	22.948.049	417.799.847
12. Chi phí khác	32	VI.7	41.078.135	563.818.363
13. Lợi nhuận khác	40		(18.130.086)	(146.018.516)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.881.950.850	3.924.725.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	801.077.546	981.167.035
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.080.873.304	2.943.558.729
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	672	616
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	672	616



Phạm Hồng Phương
Người lập biểu



Nguyễn Thế Anh
Kê toán trưởng



Hồ Việt Lân
Giám đốc

Ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	337.298.732.946	284.514.928.707
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(272.466.252.330)	(213.626.082.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.250.889.436)	(40.650.467.602)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(506.740.279)	(719.505.682)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.159.319.498)	(1.180.756.872)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	42.103.622.154	28.389.283.374
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.034.197.905)	(56.933.514.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.984.955.652	(206.114.822)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(78.703.704)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	400.518.518
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.023.891.812)	(17.762.075.739)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.349.216.602	17.271.864.283
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.289.888.209	1.474.406.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.536.509.295	1.384.713.357
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.385.705.000	9.581.202.227
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.969.620.830)	(16.758.041.563)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.023.526.200)	(1.930.288.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.607.442.030)	(9.107.128.309)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.914.022.917	(7.928.529.774)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.514.481.811	32.443.011.585
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	40.428.504.728	24.514.481.811


Phạm Hồng Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thế Anh
Kế toán trưởng

Hồ Viết Lân
Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Môi trường và Đô thị Thanh Hóa được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800152894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 07 năm 2024. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính của Công ty tại số 467, đường Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800152894 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 06 năm 2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 07 năm 2024, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 32.977.900.000 đồng tương đương với 3.297.790.000 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng các công trình về môi trường.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác;
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn xanh đô thị;
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng, điện trang trí thành phố, thiết bị kĩ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa, dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục sinh môi trường, điện chiếu sáng, công viên cây xanh, dịch vụ tang lễ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng đô thị, phòng chống mối mọt, xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Giám sát thi công các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kĩ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đầu thầu, lập dự án, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông;
- Thiết kế lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng, kĩ thuật đô thị, khu công nghiệp; và
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Duy tu thoát nước	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp Công viên 1,2,3	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
3	Chi nhánh Xây lắp và Dịch vụ môi trường	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
4	Xí nghiệp Dịch vụ tang lễ	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp Xử lý môi trường	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp Quản lý và Xây lắp điện	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
7	Xí nghiệp môi trường số 1,2,3	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
8	Xí nghiệp Xe máy vận chuyển	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
9	Đội thu phí vệ sinh	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
10	Xí nghiệp Dịch vụ môi trường	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
11	Văn phòng công ty	Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 874 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 857 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, giá vốn và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu: rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác và hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải. Công ty xác định đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phần thu nhập của Công ty từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo mục VI thông tư số 21/VBHN-BTC ngày 12/08/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.351.632.143	2.384.278.903
Tiền gửi ngân hàng	3.076.872.585	3.394.202.978
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	18.735.999.930
Cộng	40.428.504.728	24.514.481.811

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng và lãi suất từ 3,6%/năm đến 4,2%/năm.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	58.707.392.850	72.191.263.992
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa (nay là Ban quản lý dự án Đông Sơn)	830.658.000	15.044.634.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	16.777.226.980	12.831.954.317
Cộng	76.315.277.830	100.067.852.309
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VIII.1 - Bên liên quan)	59.450.682.272	72.723.792.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Kiểm toán VFA	215.462.000	215.462.000
Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường Thanh Hóa	107.131.900	107.131.900
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư phát triển Bắc Sông Mã	98.550.000	98.550.000
Công ty Cổ phần công nghệ Thời Việt	82.500.000	82.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	110.000.000	909.470.820
Cộng	613.643.900	1.413.114.720

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa	288.723.000	288.723.000
Tạm ứng	223.678.604	640.060.645
Cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.053.752.347	15.385.001.232
Ký quỹ	625.639.692	361.079.820
Các khoản phải thu liên quan đến Nghĩa trang Nhân dân Chợ Nhàng	7.582.717.343	4.117.045.711
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	67.621.164	333.910.331
Tiền BHXH, BHYT, BHTN của cán bộ công nhân viên	442.166.442	423.982.477
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	292.600.000	292.600.000
Phải thu khác	126.472.805	409.551.767
Cộng	21.703.371.397	22.251.954.983
Trong đó phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan (Chi tiết xem thuyết minh VIII.1 - Bên liên quan)	342.600.000	342.600.000

(*) Phản ánh các khoản tổng số dư các hợp đồng tiền gửi đang cầm cố tại Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá/ số dư tiền gửi.

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán	117.500.000	-	117.500.000	117.500.000	-	117.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thời Việt	82.500.000	-	82.500.000	82.500.000	-	82.500.000
Đoàn quy hoạch nông lâm nghiệp Thanh Hóa	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế và XD TM Thăng Lợi	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000
Cộng	117.500.000	-	117.500.000	117.500.000	-	117.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.430.045.915	-	965.415.605	-
Công cụ, dụng cụ	28.237.218	-	41.145.061	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	10.634.923.902	-	7.876.035.423	-
Thành phẩm	154.099.494	-	262.165.494	-
Hàng hóa	43.234.179	-	33.531.000	-
Cộng	12.290.540.708	-	9.178.292.583	-

(*) Chi tiết các công trình dở dang:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Hạng mục cải tạo điện chiếu sáng, điện trang trí Đại lộ Lê Lợi đoạn từ cầu vượt Phú Sơn đến cầu Đông Hương và Quốc lộ 1A thành phố Thanh Hóa (**)	5.250.629.650	-
- Hạng mục duy tu sửa chữa cơ sở hạ tầng (**)	2.768.665.347	-
- Hạng mục khu hoạt động vui chơi thiếu nhi công viên Hội An (**)	574.755.420	425.403.319
- Các hạng mục khác	2.040.873.485	7.450.632.104
Cộng	10.634.923.902	7.876.035.423

(**) Đây là các hạng mục mà Công ty đã thực hiện đang đợi quyết toán giá trị còn lại và giá trị hoàn thành. Tổng giá trị các hạng mục chờ quyết toán là 9.614.481.717 đồng.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	120.200.179	214.896.557
Chi phí mua bảo hiểm	14.193.762	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.736.439	-
Cộng	137.130.380	214.896.557
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.814.718.211	220.794.281
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	475.366.246
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	12.746.032
Cộng	1.814.718.211	708.906.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ												
Số đầu năm	10.326.925.490	10.866.473.507	57.842.160.125	45.413.636	329.712.209	79.410.684.967						
Mua trong năm	-	-	-	78.703.704	-	78.703.704					78.703.704	
Số cuối năm	10.326.925.490	10.866.473.507	57.842.160.125	124.117.340	329.712.209	79.489.388.671						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số đầu năm	7.708.043.444	9.270.914.503	53.103.287.254	45.413.636	329.712.209	70.457.371.046						
Khấu hao trong năm	704.633.689	537.811.860	1.261.461.330	3.643.690	-	2.507.550.569						
Số cuối năm	8.412.677.133	9.808.726.363	54.364.748.584	49.057.326	329.712.209	72.964.921.615						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số đầu năm	2.618.882.046	1.595.559.004	4.738.872.871	-	-	8.953.313.921						
Số cuối năm	1.914.248.357	1.057.747.144	3.477.411.541	75.060.014	-	6.524.467.056						

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 60.873.374.201 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 59.800.968.362 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Phát triển Tân Thành Phát	3.624.971.152	3.624.971.152	924.027.634	924.027.634
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo Hải Dương	2.687.721.500	2.687.721.500	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Ngọc Anh	2.123.662.347	2.123.662.347	423.346.000	423.346.000
Công ty TNHH Trường Đạt Phát	1.375.685.700	1.375.685.700	-	-
Điện Lực Thành phố Thanh Hóa	1.335.989.759	1.335.989.759	1.133.939.732	1.133.939.732
Đối tượng khác	20.219.645.501	20.219.645.501	25.627.108.340	25.627.108.340
Cộng	31.367.675.959	31.367.675.959	28.108.421.706	28.108.421.706

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	445.905.878	611.696.364	1.057.602.242	-
Cộng	445.905.878	611.696.364	1.057.602.242	-
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.558.180.056	24.471.311.609	25.108.274.163	4.195.142.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.535.625	801.077.546	1.159.319.498	552.777.577
Thuế thu nhập cá nhân	-	50.761.425	50.761.425	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.643.380	3.000.000	3.000.000	14.643.380
Cộng	3.767.359.061	25.326.150.580	26.321.355.086	4.762.563.567

11. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu chăm sóc mộ	81.755.647	94.559.942
Cộng	81.755.647	94.559.942
b. Dài hạn		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (i)	15.278.748.353	17.205.607.141
Cộng	15.278.748.353	17.205.607.141

(i) Phản ánh khoản doanh thu nhận trước từ thực hiện các dịch vụ liên quan đến cát táng bia mộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	101.422.323	160.084.339
Phải trả cho nhân viên (i)	10.114.926.210	3.423.396.825
Các khoản trích trước dự án lộ mộ cảnh quan dòng họ - Nghĩa trang Nhân dân Chợ Nháng	17.935.665.103	21.221.487.852
Cổ tức	34.983.357	27.815.132
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.872.350.542	16.518.375.082
Cộng	35.059.347.535	41.351.159.230

(i) Phải trả cho nhân viên là các khoản tạm ứng cho nhân viên để thanh toán chi phí phát sinh tại các xí nghiệp.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	5.270.000.000	3.696.000.000	1.426.000.000	1.426.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thanh Hóa	-	-	115.705.000	1.517.133.498	1.401.428.498	1.401.428.498
Cộng vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	5.385.705.000	5.213.133.498	2.827.428.498	2.827.428.498
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở thuyết minh số V.14)	2.569.820.671	2.569.820.671			2.756.487.333	2.756.487.333
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.569.820.671	5.569.820.671			5.583.915.831	5.583.915.831

(i) Các khoản vay cá nhân nhằm bổ sung vốn duy trì hoạt động kinh doanh. Hợp đồng vay thời hạn dưới 01 năm, lãi suất cho vay 0%/năm. Hình thức đảm bảo tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Bộ Tài chính (i)	17.157.687.129	17.157.687.129	-	2.383.154.000	19.540.841.129	19.540.841.129
Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa (ii)	186.666.671	186.666.671	-	373.333.332	560.000.003	560.000.003
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.344.353.800	17.344.353.800	-	2.756.487.332	20.100.841.132	20.100.841.132
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.569.820.671)	(2.569.820.671)			(2.756.487.333)	(2.756.487.333)
Bộ Tài chính	(2.383.154.000)	(2.383.154.000)			(2.383.154.000)	(2.383.154.000)
Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa	(186.666.671)	(186.666.671)			(373.333.333)	(373.333.333)
Cộng	14.774.533.129	14.774.533.129			17.344.353.799	17.344.353.799

- (i) Khoản vay Bộ tài chính theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa) để thực hiện dự án Cải thiện môi trường Đô thị miền Trung - ADB ký ngày 05 tháng 05 năm 2004. Khoản vay được giải ngân bằng các phương tiện vận tải, thiết bị vận hành và bảo dưỡng thuộc cấu phần B, C và D của dự án. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Lãi suất vay vốn là 5,4%/năm. Thời hạn vay vốn là 20 năm, ân hạn trả nợ gốc và lãi là 06 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên của dự án. Sau thời kỳ ân hạn, lãi được trả cho Bộ Tài chính 06 tháng/lần vào ngày 01 tháng 06 và ngày 01 tháng 12 hàng năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,25%/năm trên số dư nợ (đã nằm trong lãi suất cho vay nêu trên). Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2004/UQ/BTC-TCĐN ngày 19 tháng 08 năm 2004 về việc quản lý vốn vay tín dụng nước ngoài dự án Cải thiện Môi trường Đô thị miền Trung vay vốn ADB ký giữa Quỹ hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã quản lý một phần khoản vốn vay trị giá 27.201.840.027 đồng từ ngày 06 tháng 06 năm 2011.
- (ii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ môi trường theo Hợp đồng cho vay số 01/2022/HDCV giữa Quỹ Bảo vệ Môi trường Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa ngày 18 tháng 03 năm 2022. Mục đích khoản vay để phát triển công tác thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Khoản vay có thời hạn 48 tháng, ân hạn 03 tháng. Lãi suất cho vay 03%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.569.820.671	2.756.487.333
Trong năm thứ hai	2.383.154.000	2.569.820.671
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.383.159.406	4.766.313.406
Cộng	7.336.134.077	10.092.621.410
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.569.820.671	2.756.487.333
Số phải trả sau 12 tháng	4.766.313.406	7.336.134.077

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính	9.494.779.704	8.958.090.076
Cộng	9.494.779.704	8.958.090.076

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.977.900.000	2.828.102.447	35.806.002.447
Lãi trong năm	-	2.943.558.729	2.943.558.729
Chia cổ tức	-	(1.937.009.310)	(1.937.009.310)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(891.093.137)	(891.093.137)
Số dư đầu năm nay	32.977.900.000	2.943.558.729	35.921.458.729
Lãi (Lỗ) trong năm	-	3.080.873.304	3.080.873.304
Chia cổ tức (i)	-	(2.030.020.065)	(2.030.020.065)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(913.538.664)	(913.538.664)
Số dư cuối năm nay	32.977.900.000	3.080.873.304	36.058.773.304

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 25 tháng 04 năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa	17.297.900.000	17.297.900.000
Bà Tạ Diệp Chi	11.620.000.000	11.620.000.000
Ông Hồ Viết Lân	724.000.000	724.000.000
Các cổ đông khác	3.336.000.000	3.336.000.000
Cộng	32.977.900.000	32.977.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.297.790	3.297.790
- Cổ phiếu phổ thông	3.297.790	3.297.790
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.790	3.297.790
- Cổ phiếu phổ thông	3.297.790	3.297.790

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.868.108.933	276.609.458.375
Trong đó:		
Doanh thu bán lẻ một cát tảng	4.029.952.536	8.426.905.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	294.838.156.397	268.182.553.083
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	66.597.495
- Giảm giá hàng bán	-	66.597.495
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.868.108.933	276.542.860.880
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	265.909.146.523	250.447.424.319

(Chi tiết tại Thuyết minh VIII.1 - Bên liên quan)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán lẻ một cát tảng	4.029.952.536	8.426.905.292
Giá vốn cung cấp dịch vụ	271.214.744.186	244.794.112.616
Cộng	275.244.696.722	253.221.017.908

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.028.624.875	1.171.355.379
Cộng	2.028.624.875	1.171.355.379

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.043.429.907	1.257.875.278
Cộng	1.043.429.907	1.257.875.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.354.297.817	6.234.321.298
Chi phí đồ dùng văn phòng	258.167.534	142.437.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.569.278	688.539.840
Thuế phí và lệ phí	614.696.364	1.497.028.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.988.774.134	8.237.284.302
Chi phí khác bằng tiền	2.813.021.116	2.364.967.213
Cộng	20.708.526.243	19.164.578.793

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	-	366.516.945
Thu nhập khác	22.948.049	51.282.902
Cộng	22.948.049	417.799.847

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, phạt chậm nộp	37.103.662	563.777.238
Các khoản khác	3.974.473	41.125
Cộng	41.078.135	563.818.363

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.881.950.850	3.924.725.764
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	3.079.209.118	3.423.455.526
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	802.741.732	501.270.238
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	41.078.135	563.777.238
Các khoản điều chỉnh tăng	41.078.135	563.777.238
<i>Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp, phạt hành chính</i>	<i>37.103.662</i>	<i>563.777.238</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>3.974.473</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.923.028.985	4.488.503.002
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	3.120.287.253	3.987.232.764
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	802.741.732	501.270.238
Thuế suất		
Thuế suất thuế TNDN không hưởng ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	704.331.625	847.573.577
Truy thu, bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	96.745.921	133.593.458
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	801.077.546	981.167.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.080.873.304	2.943.558.729
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (i)	(864.843.991)	(913.538.664)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên	2.216.029.313	2.030.020.065
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi	3.297.790	3.297.790
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	672	616

- (i) Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 25/04/2025 thông qua phương án dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau: trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ 15%-20% lợi nhuận sau thuế đối với bộ phận văn phòng Công ty, trích lập toàn bộ lợi nhuận sau thuế đối với bộ phận kinh doanh.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.613.112.846	78.630.432.322
Chi phí nhân công	139.203.261.715	106.244.225.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.507.550.569	3.466.781.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.242.302.129	70.264.116.678
Chi phí khác bằng tiền	11.735.609.253	14.531.145.445
Cộng	294.301.836.512	273.136.702.163

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	5.385.705.000 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	5.385.705.000 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	7.969.620.830 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	7.969.620.830 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)

Ủy ban Nhân dân phường Đông Hương cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)

Ủy ban Nhân dân phường Đông Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)

Ủy ban Nhân dân huyện Ngọc Lặc cũ (nay là Ủy ban Nhân dân xã Ngọc Lặc)

Ủy ban Nhân dân thị trấn Triệu Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân xã Triệu Sơn)

Ủy ban Nhân dân xã Hoằng Lộc

Ủy ban Nhân dân phường Bim Sơn

Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thành cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Quảng Phú)

Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thắng cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Đông Quang)

Bà Tạ Diệp Chi

Ông Trần Chính

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Bên liên quan

Ông Hồ Viết Lân

Ông Lê Mạnh Thắng

Ông Nguyễn Tiến Hải

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Ông Nguyễn Ngọc Sang

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cơ quan hành chính cấp dưới, chịu sự quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Phó Chủ tịch HĐQT

Mối quan hệ

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	265.909.146.523	250.447.424.319
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	257.509.441.826	248.780.649.323
Ủy ban Nhân dân phường Bìm Sơn	5.033.854.701	-
Ủy ban Nhân dân phường Đông Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	2.304.827.776	-
Ủy ban Nhân dân thị trấn Triệu Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân xã Triệu Sơn)	166.666.667	875.345.371
Ủy ban Nhân dân xã Hoằng Lộc	285.833.332	330.555.554
Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thành cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Quảng Phú)	388.939.815	278.627.776
Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thắng cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Đông Quang)	219.582.406	182.246.295
Tạm ứng	250.000.000	365.398.342
Ông Nguyễn Tiến Hải	250.000.000	365.398.342
Hoàn ứng	250.000.000	272.260.520
Ông Nguyễn Tiến Hải	250.000.000	272.260.520

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác ngắn hạn	342.600.000	342.600.000
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	292.600.000	292.600.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	50.000.000	50.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	223.140.224	223.140.224
Ủy ban Nhân dân phường Đông Hương cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	223.140.224	223.140.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (Tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	59.450.682.272	72.723.792.756
Ủy ban Nhân dân thành phố Thanh Hóa cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	58.707.392.850	72.191.263.992
Ủy ban Nhân dân phường Đông Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Hạc Thành)	210.510.000	-
Ủy ban Nhân dân phường Bìm Sơn	487.029.322	-
Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thành cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Quảng Phú)	33.750.000	2.000.000
Ủy ban Nhân dân phường Quảng Thắng cũ (nay là Ủy ban Nhân dân phường Đông Quang)	12.000.100	4.920.100
Ủy ban Nhân dân huyện Ngọc Lặc cũ (nay là Ủy ban Nhân dân xã Ngọc Lặc)	-	286.122.664
Ủy ban Nhân dân thị trấn Triệu Sơn cũ (nay là Ủy ban Nhân dân xã Triệu Sơn)	-	185.373.000
Ủy ban Nhân dân xã Hoằng Lộc	-	54.113.000

Thu nhập và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập và thù lao của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.236.804.468	903.018.900
Ông Trần Chính - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	269.577.600	222.693.600
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch HĐQT	158.741.268	-
Bà Đỗ Thị Minh Hải - Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	-	141.414.900
Ông Hồ Viết Lân - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	289.843.200	199.708.800
Ông Thiệu Văn Sơn - Nguyên Thành viên HĐQT, Nguyên Phó Giám đốc	-	8.400.000
Ông Lê Mạnh Thắng - Thành viên HĐQT	25.200.000	25.200.000
Ông Nguyễn Tiến Hải - Thành viên HĐQT	25.200.000	16.800.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Phó Giám đốc	234.121.200	145.867.800
Ông Nguyễn Ngọc Sang - Phó Giám đốc	234.121.200	142.933.800
Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát	182.271.600	182.107.800
Bà Trương Thị Thanh Bình - Trưởng ban kiểm soát	148.671.600	148.507.800
Bà Tống Thị Thọ - Thành viên ban kiểm soát	16.800.000	16.800.000
Ông Nguyễn Tiến Hải - Nguyên Thành viên ban kiểm soát	-	5.600.000
Bà Nguyễn Thị Nga - Thành viên ban kiểm soát	16.800.000	11.200.000
Cộng	1.419.076.068	1.085.126.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường, công trình và đô thị. Trong năm 2025, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là môi trường (Chi tiết tại thuyết minh VI.1 doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm hơn 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 222/HĐTD ngày 09/12/2020 với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, thuê đất tại phường Ngọc Trao, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) với mục đích làm trụ sở làm việc và kinh doanh dịch vụ. Thời gian thuê đất đến ngày 01/01/2026. Tổng diện tích khu đất thuê là 7.792,6 m². Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Hạc Thành gia hạn thời gian sử dụng đất cho Công ty thêm 30 năm, kể từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/01/2056.

4. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.



Phạm Hồng Phương
Người lập biểu



Nguyễn Thế Anh
Kế toán trưởng



Hồ Viết Lân
Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2026